TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2024/DS-ST
Ngày: 12-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 140/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT (Ngân hàng SGTT); Địa chỉ: A NKN, phường VTS, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Kha Đức T1, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng SGTT - Chi nhánh An Giang - Phòng giao dịch TC; Địa chỉ: Số C TĐT, phường LT, thị xã TC, tỉnh An Giang theo Quyết định số

3525/2023/QĐ-PC ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tổng giám đốc Ngân hàng SGTT.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Kha Đức T1 là ông Phạm Minh T2, Chức vụ: Phó Phòng giao dịch Ngân hàng SGTT - Chi nhánh An Giang - Phòng giao dịch TC; Địa chỉ: Số C TĐT, phường LT, thị xã TC, tỉnh An Giang theo Giấy ủy quyền ngày 02 tháng 5 năm 2024. Có đơn xin vắng mặt

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị Minh T3, sinh ngày 06 tháng 6 năm 1992; Nơi cư trú: Ấp LH, xã LT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần thứ hai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Ngân hàng SGTT và bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Minh T2 trình bày: Vào ngày 06 tháng 3 năm 2020, bà Hồ Thị Minh T3 có ký với Ngân hàng SGTT hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T3, Ngân hàng SGTT đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T3 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 121.991.800 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T3 đã thanh toán cho Ngân hàng SGTT số tiền 122.965.290 đồng. Đến 23 tháng 8 năm 2023, bà T3 không còn thực hiện trả nợ cho Ngân hàng SGTT. Tính đến ngày 11 tháng 9 năm 2024, bà T3 còn nợ tổng số tiền là 46.857.232 đồng, cụ thể như sau: dư nợ gốc: 28.976.929 đồng; lãi trong hạn và phí: 11.970.202 đồng; lãi quá hạn: 5.910.101 đồng. Mặc dù, Ngân hàng SGTT đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà T3, yêu cầu bà T3 có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng SGTT cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà T3 trả nợ, tuy nhiên bà T3 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng SGTT. Do bà T3 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nay Ngân hàng SGTT yêu cầu bà Hồ Thị Minh T3 phải trả cho Ngân hàng SGTT tổng số tiền tạm tính đến ngày 11 tháng 9 năm 2024 là 46.857.232 đồng và bà Hồ Thị Minh T3 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đối với bị đơn bà Hồ Thị Minh T3 đã được Toà án triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà Hồ Thị Minh T3 trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 11 tháng 9 năm 2024 là 46.857.232 đồng (bốn mươi sáu triệu tám trăm năm bảy nghìn hai trăm ba mươi hai đồng) và tiếp tục chịu lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 6970826 ngày 06 tháng 3 năm 2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:*

[1.1] Ngân hàng SGTT khởi kiện bà Hồ Thị Minh T3 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 6970826 ngày 06 tháng 3 năm 2020 nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản, bị đơn bà Hồ Thị Minh T3 đang cư trú tại ấp Long Hưng, xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, vì vậy theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

[1.2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ các khoản 1, 3 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] *Về nội dung:* Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 6970826 ngày 06 tháng 3 năm 2020 cùng với các tài liệu khác thì xác định ngày 06 tháng 3 năm 2020, bà Hồ Thị Minh T3 đã ký kết với Ngân hàng SGTT hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng. Từ ngày 22 tháng 3 năm 2020 đến ngày 22 tháng 8 năm 2023, bà Hồ Thị Minh T3 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 121.991.800 đồng và trong thời gian này bà T3 đã thanh toán cho Ngân hàng SGTT tổng số tiền là 122.965.290 đồng. Nhưng từ ngày 23 tháng 8 năm 2023, bà T3 không còn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng SGTT, cho nên ông Tân đã vi phạm các Điều 18, 19 và 24 của Điều khoản

và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng SGTT, do vậy Ngân hàng SGTT khởi kiện yêu cầu thu hồi nợ đối với bà T3 là có căn cứ chấp nhận.

[3] Qua ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, cho nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: "Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận"; căn cứ vào điểm b khoản 1.3 Điều 1 Mục II của Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết, bà Hồ Thị Minh T3 chịu toàn bộ án phí của số tiền phải thực hiện nghĩa vụ là 46.857.232 đồng; Ngân hàng SGTT không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 91, 92, 147, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT. Buộc bà Hồ Thị Minh T3 trả cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền vay còn nợ tạm tính đến ngày 11 tháng 9 năm 2024 là 46.857.232 đồng (bốn mươi sáu triệu tám trăm năm bảy nghìn hai trăm ba mươi hai đồng) và tiếp tục chịu lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 6970826 ngày 06 tháng 3 năm 2020.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Bà Hồ Thị Minh T3 phải chịu 2.342.000 đồng (hai triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ngân hàng TMCP SGTT được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 995.000 đồng (chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006096 ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng